TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2022/DS-ST Ngày 23 - 8 - 2022 V/v tranh chấp kiện đòi tài sản, chia tài sản chung và thừa kế tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Bích Ngọc và ông Lê Mạnh Quỳnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Yến, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp kiện đòi tài sản, chia tài sản chung và thừa kế tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Kim H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn Đ, xã Ng, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 17, ngõ Y, phường V, Quận Đ, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

2. Cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 16/4/2004; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3. Cháu Nguyễn Huy Kh, sinh ngày 16/6/2012; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Khánh: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, là mẹ đẻ cháu Kh, có mặt.

4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank); địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh Bình, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Quang Kiên, Phó Trưởng phòng Tổng hợp Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Số 4, đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

5. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank); địa chỉ: Tòa nhà Thaiholdings, số 210 Trần Quang Khải, phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn Sơn, Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Tuấn Long, Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Vĩnh Phúc; địa chỉ: Số 2, đường Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Huy D kết hôn năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Huy H, sinh ngày 16/4/2004 và Nguyễn Huy Kh, sinh ngày 16/6/2012. Quá trình sống chung, do vợ chồng mâu thuẫn nên chị làm đơn xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo giải quyết ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 153/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2019, công nhận thỏa thuận về quan hệ hôn nhân, quan hệ giao nuôi con chung, đối với quan hệ tài sản chị và anh D không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Huy D và cháu Nguyễn Huy H quản lý sử dụng tài sản chung của anh chị.

Ngày 08/4/2020 anh D kết hôn với chị Hoàng Thị Kim H, ngày 25/6/2020 anh D chết không để lại di chúc.

- Về tài sản chung của chị và anh D gồm:

Quyền sử dụng thửa đất số 40, tờ bản đồ QH, diện tích 111m^2 tại Khu Đồng số 9, xã Hợp Châu, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tổ dân phố Đồi Thông, thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tên hộ ông Nguyễn Huy D.

01 nhà cấp 4 xây dựng năm 2006 diện tích sử dụng 112m^2, sân gạch đỏ diện tích 24m^2, mái tôn diện tích 28m^2, mái bờ lô xi măng diện tích 29m^2, nhà kho tường gạch lợp mái tôn diện tích 05m^2, cửa sắt.

Các khoản tiền đứng tên Nguyễn Huy D tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam:

1. 20 trái phiếu phát hành ngày 29/6/2018, mệnh giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng Việt Nam)/trái phiếu.

2. Tiền gửi tiết kiệm trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng, số tài khoản 222008801743, số dư 100.000.000đ, ngày gửi 04/5/2019.

Các khoản tiền gửi đứng tên Nguyễn Huy D tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt:

1. Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120001, số tiền gốc 207.000.000đ, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,9%, ngày gửi 20/12/2019, ngày đến hạn trên sổ 20/12/2020 (Ngày gửi 20/12/2019 là 15.000.000đ, ngày 10/02/2020 là 17.000.000đ, ngày 06/4/2020 là 75.000.000đ, ngày 12/6/2020 là 100.000.000đ).

2. Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120002, số tiền gốc 40.000.000đ, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,9%, ngày gửi 20/12/2019, ngày đến hạn trên sổ 20/12/2020 (ngày 20/12/2019 gửi 15.000.000đ, ngày 06/4/2020 gửi 25.000.000đ).

3. Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120006, số tiền gốc 250.000.000đ, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 7,8%, ngày gửi 13/02/2020, ngày đến hạn trên sổ 13/8/2020.

4. Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120007, số tiền gốc 30.000.000đ, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 7,8%, ngày gửi 19/02/2020, ngày đến hạn trên sổ 19/8/2020.

- Về tài sản riêng của anh D: Số tiền tại tài khoản tiền gửi thanh toán số tài khoản 103004503292 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

- Chị xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh D, anh Nguyễn Công H có gửi anh D số tiền 45.000.000đ, tính đến nay cả gốc và lãi tổng số tiền khoảng 100.000.000đ. Chị đề nghị khấu trừ vào khoản tiền riêng của anh D để trả cho anh H số tiền 100.000.000đ.

Căn cứ để chị xác định tài sản chung của chị với anh D vì: Được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, đối với các khoản tiền thì do trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng tin tưởng nhau nên chị không nắm bắt chi tiết, anh D là người đứng ra giao dịch với Ngân hàng, anh D nhiều lần gửi Ngân hàng rồi rút để gửi Ngân hàng khác, anh chị có tiền gửi tiết kiệm bắt đầu từ năm 2012. Trước đây, vợ chồng anh chị đều làm ở Nhà máy Z195, năm 2013 anh D bị bệnh, khoảng năm 2016 - 2017 anh D nghỉ việc một lần được thanh toán khoảng 100.000.000đ.

Sau khi anh D chết, chị H quản lý tài sản là thửa đất, nhà và công trình trên thửa đất của chị và anh D nên chị khởi kiện đòi chị H phải trả nhưng nay chị quản lý thửa đất, nhà và tài sản trên thửa đất nên chị xin rút đối với yêu cầu này.

Ngày 10/02/2022, chị bổ sung yêu cầu xác định tài sản chung của chị và anh D còn có 01 xe máy Honda PCX, BKS 88K1-1048 đứng tên anh Nguyễn Huy D và 01 tivi Samsung 42inhs, chị H là người quản lý, sử dụng.

Chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của chị và anh D theo quy định pháp luật, chị xin được sử dụng thửa đất, nhà.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Hoàng Thị Kim H là chị Lê Thị Thu H trình bày:

Xác nhận trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung và thời điểm ly hôn giữa chị T và anh D.

Chị Hoàng Thị Kim H kết hôn với anh Nguyễn Huy D ngày 08/4/2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyệt Đức, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 25/6/2020 anh D chết không để lại di chúc, chị H và anh D không có con chung, bố mẹ anh D là ông Nguyễn Huy L (chết năm 1998) và bà Trần Thị M (chết năm 2012).

Tài sản chung của chị T và anh D: Quyền sử dụng thửa đất số 40, tờ bản đồ QH, diện tích 111m^2 tại tổ dân phố Đồi Thông, thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 nhà cấp 4, sân gạch đỏ, mái tôn, mái bờ lô xi măng, nhà kho, cửa sắt; 20 trái phiếu mệnh giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng Việt Nam)/trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam. Tại phiên tòa phía bị đơn xác định diện tích 111m^2 đất, nhà và công trình trên thửa đất là tài sản riêng của anh D vì trước khi ly hôn anh D và chị T đã tự thỏa thuận chia tài sản chung: Anh D trực tiếp quản lý, sử dụng đất và nhà, còn chị T sử dụng ki ốt bán hàng và số tiền 300.000.000đ, việc thỏa thuận không có văn bản.

Đối với:

- Số tiền tiết kiệm 207.000.000đ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt là khoản tiền mừng đám cưới và tiền của anh D, chị H gộp vào gửi tiết kiệm chung; Số tiền tài khoản tiền gửi thanh toán 103004503292 tại Ngân hàng Thương mại Công thương Việt Nam. Chị H xác định là tài sản chung của chị H và anh D.

- Số tiền tiết kiệm 250.000.000đ; 30.000.000đ; 40.000.000đ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt, chị H xác định là tài sản riêng của anh D.

- Số tiền tiết kiệm 100.000.000đ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, chị H xác định anh D gửi hộ anh Nguyễn Công H.

- Khoản chi phí mai táng: Khi anh D chết chị H là người chi trả tổng là 50.000.000đ, chị H đề nghị trích phần di sản của anh D để thanh toán cho chị H. Tại phiên tòa chị H xin rút yêu cầu và không có đề nghị gì.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không có ý kiến gì.

Chị H đề nghị chia di sản thừa kế của anh D theo quy định của pháp luật và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Công H: Anh có mối quan hệ gia đình với anh Nguyễn Huy D, anh D và chị T là cậu, mợ. Năm 2008, anh có tiết kiệm được khoản tiền 45.000.000đ, anh gửi anh D và chị T. Sau đó anh được biết anh D và chị T đem số tiền 45.000.000đ gửi Ngân hàng giúp anh, gửi Ngân hàng nào, lãi suất, kỳ hạn thế nào anh không biết. Năm 2019 anh D và chị T ly hôn, năm 2020 anh D

chết đột ngột nên số tiền anh gửi, anh D, chị T vẫn chưa trả lại cho anh. Tuy nhiên, trước khi anh D chết, anh D có nói với anh số tiền anh gửi, anh D gửi Ngân hàng cho anh, ước tính cả gốc và lãi khoảng 100.000.000đ. Nay anh đề nghị lấy lại số tiền 100.000.000đ, anh không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Cháu Nguyễn Huy H, cháu Nguyễn Huy Kh và người đại diện hợp pháp của cháu Kh là chị Nguyễn Thị T: Thống nhất trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Huy D và thời điểm anh D chết. Trước khi chết anh D không để lại di chúc, không biết về tài sản của anh D gồm những gì, không có công sức đóng góp vào việc tạo lập tài sản, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (Vietinbank) cung cấp thông tin về tài sản của anh Nguyễn Huy D:

Ngày 28/6/2018 anh Nguyễn Huy D ký 02 hợp đồng mua 20 trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, mỗi hợp đồng 10 trái phiếu. Mã trái phiếu CTG 1828T2/01, trị giá 200.000.000đ, hiện anh D chưa làm thủ tục mua bán trái phiếu này với người khác tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam. Từ khi anh D mua trái phiếu đến nay Ngân hàng đã thanh toán lãi trái phiếu tổng số tiền là 54.720.000đ, cụ thể: Ngày 01/7/2019 thanh toán trả 14.250.000đ; Ngày 29/6/2020 thanh toán trả 14.487.500đ; Ngày 29/6/2021 thanh toán trả 13.870.000đ; Ngày 29/6/2022 thanh toán trả 12.112.500đ. Số tiền trên được chuyển vào tài khoản số 103004503292 của anh D mở tại Ngân hàng, lãi suất trái phiếu sẽ được trả vào ngày 29/6 hàng năm, nếu ngày 29/6 là ngày nghỉ lãi suất sẽ được trả vào ngày làm việc kế tiếp.

Tiền tiết kiệm trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng, số tài khoản 2220088011743, ngày gửi 04/5/2019, số dư 100.000.000đ, đối với số tiền lãi của số tiền này nếu khách hàng chưa rút gốc thì đến ngày đáo hạn 04/5 của năm tiếp theo sẽ được chuyển vào tài khoản tiền gửi thanh toán số 103004503292 của anh Nguyễn Huy D, nếu chưa đến ngày đáo hạn thì số tiền lãi không tự động chuyển vào tài khoản tiền gửi thanh toán số 103004503292. Tổng số tiền lãi đã được Ngân hàng chuyển vào tài khoản là 19.218.630đ, cụ thể: Ngày 04/5/2020 thanh toán trả 6.818.630đ; Ngày 04/5/2021 thanh toán trả 6.800.000đ; Ngày 04/5/2022 thanh toán trả 5.600.000đ. Số tiền lãi tính từ ngày 05/5/2022 đến ngày 23/8/2022 (110 ngày), nếu người thừa kế vẫn duy trì số dư 100.000.000đ trên sổ tiết kiệm thì số lãi là 100.000.000đ x 5,6%/365 x 110 =1.687.671đ, nếu người thừa kế rút trước hạn (ngày 04/5/2023) thì chỉ được hưởng lãi suất không kỳ hạn 0,1%, ví dụ: Nếu rút vào ngày 23/8/2022 thì lãi suất được hưởng sẽ là 100.000.000đ x 0,1%/365 x 110 = 30.137đ.

Tài khoản tiền gửi thanh toán số 103004503292 nếu đến ngày 23/8/2022 người thừa kế của anh D không thực hiện giao dịch gì trên tài khoản thì số dư sẽ là 52.680.605đ, trong đó tiền lãi của khoản tiết kiệm chuyển sang là 19.680.630đ.

Quan điểm của Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank) cung cấp về thông tin về tài sản của anh Nguyễn Huy D:

STT	Khách hàng	Số tài khoản, Sổ tiết kiệm	Ngày đến hạn gần nhất	Gốc lãi ngày đến hạn gần nhất	Số ngày tính lãi	Lãi đến ngày 23/8/2022 (Lãi CKH)	Tổng tiền gốc lãi CKH	Lãi đến ngày 23/8/2022 (Lãi KKH)	Tổng tiền gốc lãi KKH
1	Nguyễn Huy Dũng	03408412001	20/12/2021	227.663.444	246	8.439.141	236.102.585	153.439	227.816.883
2		03408412002	20/12/2021	44.468.440	246	1.648.378	46.116.818	29.971	44.498.411
3		03408412006	13/02/2022	281.800.042	191	7.520.587	289.320.629	147.462	281.947.504
4		03408412007	19/02/2022	33.816.006	185	942.679	34.758.685	17.140	33.833.146

Quan điểm của Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xác định:

- Tài sản chung của chị T và anh D, gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 40, tờ bản đồ QH, diện tích 111m^2 (8.000.000đ/m^2 x 111m^2 = 888.000.000đ) tại tổ dân phố Đồi Thông, thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 nhà cấp 4 (112.000.000đ), sân gạch đỏ (1.000.000đ), mái tôn (2.000.000đ), mái bờ lô xi măng (không còn giá trị), nhà kho tường gạch lợp mái tôn (2.000.000đ), cửa sắt (1.500.000đ) tổng là 1.006.500.000đ; 20 trái phiếu phát hành ngày 29/6/2018, mệnh giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng Việt Nam)/trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, trị giá 200.000.000đ; Khoản 100.000.000đ ngày gửi 04/5/2019 và lãi suất tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam; Tài khoản tiền gửi thanh toán số tài khoản 103004503292, số dư 52.680.605đ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam; Số tiền 15.000.000đ ngày gửi 20/12/2019 tại Số tài khoản Sổ tiết kiệm 034084120001 và lãi suất và Số tiền 15.000.000đ ngày gửi 20/12/2019 tại Số tài khoản Sổ tiết kiệm 034084120002 và lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt. Tổng trị giá là 1.389.180.605đ và lãi suất.

- Tài sản chung của chị H và anh D: Khoản 100.000.000đ và lãi suất, ngày gửi 12/6/2020 tại Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120001 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt.

- Tài sản riêng của anh D, gồm: Khoản 17.000.000đ ngày gửi 10/02/2020, Khoản 75.000.000đ ngày gửi 06/4/2020 tại Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120001; Khoản 25.000.000đ ngày gửi 06/4/2020 tại Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120002; Số tiền 250.000.000đ ngày gửi 13/02/2020 tại Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120006; Số tiền 30.000.000đ ngày gửi 19/02/2020 tại Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120007 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt. Tổng là 397.000.000đ và lãi suất.

- Anh D và chị T có nghĩa vụ về tài sản đối với anh Nguyễn Công H là 100.000.000đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 33, Điều 37, Điều 60, Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 244, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật

Dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc kiện đòi tài sản.

2. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc chia tài sản chung của chị T và anh Nguyễn Huy D. Trích 100.000.000đ giao cho chị T có nghĩa vụ đối với anh H; chị T và anh D mỗi người được ½ giá trị tài sản chung.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Hoàng Thị Kim H về việc di sản thừa kế của anh Nguyễn Huy D.

Chia tài sản chung của chị H và anh D, chị H và anh D mỗi người được ½ giá trị tài sản chung.

Di sản của anh D, gồm: Phần tài sản chung với chị T, phần tài sản chung với chị H và tài sản riêng của anh D, được chia cho chị Hoàng Thị Kim H, cháu Nguyễn Huy H và cháu Nguyễn Huy Kh (chị Nguyễn Thị T là đại diện).

4. Về án phí: Chị T, chị H và cháu H chịu án phí theo quy định pháp luật. Cháu Kh được miễn nộp án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện chị Hoàng Thị Kim H đòi tài sản và chia tài sản chung của chị T và anh Nguyễn Huy D, tài sản tranh chấp do chị H quản lý, sử dụng, trong đó có quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại tổ dân phố Đồi Th, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị Hoàng Thị Kim H có yêu cầu phản tố đề nghị chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Huy D. Do vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp kiện đòi tài sản, chia tài sản chung và thừa kế tài sản. Căn cứ khoản 2, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo thụ lý để giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã được triệu tập hợp lệ và có đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập, lời khai của các đương sự cũng như kết quả thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình: 1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân.., Khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình: Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây: 1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập.., Khoản 1 Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình: 1. Quyền, nghĩa vụ tài sản

của vợ chồng đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau khi ly hôn, trừ trường hợp vợ chồng và người thứ ba có thỏa thuận khác.

Xét thấy, ngoài tài sản chị T và chị H đã thống nhất, các tài sản khác được xác định như sau:

- Diện tích 111m^2, nhà và công trình trên đất tại phiên tòa phía bị đơn xác định là tài sản riêng của anh D do trước khi ly hôn anh D và chị T tự thỏa thuận nhưng không được chị T thừa nhận đồng thời cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận.

- Các khoản tiết kiệm gửi ngoài thời kỳ hôn nhân của chị T và anh D được coi là tài sản chung của chị T và anh D, vì: Khi chị T và anh D ly hôn chưa xem xét về tài sản, chưa chia tài sản chung, chị T và anh D không có thỏa thuận nào khác, trong thời gian chung sống với chị T anh D nhiều lần gửi tiền vào Ngân hàng rồi lại rút để gửi Ngân hàng khác, các khoản tiền gửi này có sau khi anh D và chị T ly hôn thời gian ngắn (từ 02 tháng đến 04 tháng).

- Khoản tiền tiết kiệm ngày 12/6/2020 trong thời kỳ hôn nhân của chị H và anh D là tài sản chung của chị H và anh D. (Số tài khoản Sổ tiết kiệm 034084120001, gốc 100.000.000đ, ngày gửi 12/6/2020, tính đến ngày 23/8/2022 tổng gốc và lãi là 109.679.323đ).

- Khoản tiền gửi thanh toán số tài khoản 103004503292 bao gồm khoản tiền lãi của 20 trái phiếu và khoản tiền lãi của khoản tiền gửi 100.000.000đ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam được xác định là tài sản chung của chị T và anh D.

- Đối với 01 xe máy Honda PCX, BKS 88K1-1048 đứng tên anh Nguyễn Huy D và 01 tivi Samsung 42inhs: Chị T xác định là tài sản chung của chị và anh D, hiện chị H đang quản lý sử dụng nhưng không được chị H thừa nhận đồng thời chị T không đưa ra được tài sản, chứng cứ chứng minh nên không được xem xét giải quyết trong vụ án này.

Từ phân tích trên, có đủ cơ sở xác định:

- Tài sản chung của chị T và anh D tổng trị giá là 1.837.597.226đ, gồm:

Quyền sử dụng thửa đất số 40, tờ bản đồ QH, diện tích 111m^2 (8.000.000đ/m^2 x 111m^2 = 888.000.000đ) tại tổ dân phố Đồi Thông, thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; 01 nhà cấp 4 (112.000.000đ), sân gạch đỏ (1.000.000đ), mái tôn (2.000.000đ), mái bờ lô xi măng (không còn giá trị), nhà kho tường gạch lợp mái tôn (2.000.000đ), cửa sắt (1.500.000đ). Tổng là 1.006.500.000đ.

20 trái phiếu phát hành ngày 29/6/2018, mệnh giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng Việt Nam)/trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, trị giá 200.000.000đ.

Khoản 100.000.000đ ngày gửi 04/5/2019 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và 30.137đ tiền lãi từ ngày 05/5/2022 đến ngày 23/8/2022.

Tài khoản tiền gửi thanh toán số tài khoản 103004503292, số dư 52.680.605đ (tính đến ngày 23/8/2022) tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

Số tiền 478.416.621đ (588.095.944đ - 109.679.323đ) tại các Sổ tiết kiệm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt. (Số tài khoản Sổ tiết kiệm 034084120001, Số tài khoản Sổ tiết kiệm 034084120002, Số tài khoản Sổ tiết kiệm số 034084120006, Số tài khoản Sổ tiền tiết kiệm số 0348412007).

- Chị T và anh D có nghĩa vụ đối với số tiền 100.000.000đ của anh Nguyễn Công H.

- Tài sản chung của chị H và anh D: Khoản 109.679.323đ tại Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120001 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt.

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc kiện đòi tài sản, chia tài sản chung.

- Đối với yêu cầu kiện đòi tài sản: Sau khi anh Nguyễn Huy D chết, chị H quản lý thửa đất, nhà và tài sản trên thửa đất là tài sản chung của chị T và anh D nhưng sau đó chị H đã giao lại tài sản cho chị T, hiện chị T quản lý sử dụng, chị T rút yêu cầu đòi tài sản nên cần được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T và anh D: Chị T và anh D chưa chia tài sản, các đương sự đều thừa nhận chị T và anh D có nghĩa vụ tài sản là 100.000.000đ đối với anh Nguyễn Công H. Chị T yêu cầu chia tài sản và xin được nhận quyền sử dụng thửa đất, nhà.

Xét yêu cầu của chị T là có căn cứ, cần được chấp nhận, tài sản chung của anh D và chị T trị giá là 1.837.627.363đ, khấu trừ 100.000.000đ của anh H, còn 1.737.627.363đ, chị T và anh D mỗi người được ½ x 1.737.627.363đ = 868.813.681,5đ, giao cho chị T số tiền 100.000.000đ của anh Nguyễn Công H để chị thực hiện nghĩa vụ với anh H.

[2.2]. Xét yêu cầu phản tố của chị Hoàng Thị Kim H về việc yêu cầu chia thừa kế.

Căn cứ khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: ..2. Khi có yêu cầu về chia di sản thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi…Phần tài sản của…chồng chết…được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế…Anh Nguyễn Huy D chết không có di chúc, chị H yêu cầu chia thừa kế nên phần tài sản chung của anh D với chị H trị giá 109.679.323đ, anh D và chị H mỗi người được ½ x 109.679.323đ = 54.839.661,5đ.

Căn cứ khoản 1 Điều 650, khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự: Di sản của anh D được chia theo quy định pháp luật cho hàng thừa kế của anh D gồm: Chị Hoàng Thị Kim H, cháu Nguyễn Huy H và cháu Nguyễn Huy Kh.

Tài sản là di sản của anh Nguyễn Huy D để lại bao gồm: Phần tài sản chung với chị T trị giá 868.813.681,5đ và phần tài sản chung với chị H trị giá là 54.839.661,5đ, tổng trị giá là 923.653.343đ.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu trích từ di sản của anh D để thanh toán mai táng phí cho chị H nhưng tại phiên tòa chị H rút yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự, những người thừa kế của anh D được hưởng phần di sản bằng nhau. Do đó, phần di sản của anh D được chia cho chị Hoàng Thị Kim H, cháu Nguyễn Huy H, cháu Nguyễn Huy Kh (chị Nguyễn Thị T là đại diện), kỷ phần mỗi người trị giá là 1/3 x 923.653.343đ = 307.884.447đ.

Sau khi xem xét nguồn gốc, công sức, nguyện vọng của các bên cũng như nhu cầu thực tế và đảm bảo quyền lợi của các bên, thấy cần phân chia bằng hiện vật: Chị T sử dụng thửa đất và sở hữu nhà và tài sản trên đất, giao cho chị T số tiền 100.000.000đ để thực hiện nghĩa vụ tài sản đối với anh H; Chị H, cháu H, cháu Kh khoản tiền tương ứng tại sổ tiết kiệm và trái phiếu; Các bên phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau.

[5]. Về án phí: Chị T, chị H, cháu H phải chịu án phí theo quy định. Cháu Kh được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 37, Điều 60, Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 244, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc kiện đòi tài sản đối với chị Hoàng Thị Kim H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc chia tài sản chung của chị T và anh Nguyễn Huy D. Chị T được chia trị giá là 868.813.681đ (Tám trăm sáu tám triệu tám trăm mười ba nghìn sáu trăm tám mốt đồng).

Giao cho chị Nguyễn Thị T quyền sử dụng thửa đất số 40, tờ bản đồ QH, diện tích 111m^2 (8.000.000đ/m^2 = 888.000.000đ) tại tổ dân phố Đồi Thông, thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc và sở hữu: 01 nhà cấp 4 (112.000.000đ), sân gạch đỏ (1.000.000đ), mái tôn (2.000.000đ), mái bờ lô xi măng (không còn giá trị), nhà kho tường gạch lợp mái tôn (2.000.000đ), cửa sắt (1.500.000đ). Tổng trị giá là 1.006.500.000đ (Một tỷ không trăm linh sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Giao cho chị T số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để thực hiện nghĩa vụ đối với anh Nguyễn Công H.

Chị T phải thanh toán chênh lệch tài sản tổng là 37.686.000đ. Trong đó: Thanh toán cho chị Hoàng Thị Kim H số tiền là 2.445.000đ (Hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng); Thanh toán cho cháu Nguyễn Huy H số tiền là 7.854.000đ (Bảy triệu tám trăm năm tư nghìn đồng); Thanh toán cho cháu Nguyễn Huy Kh số tiền là 27.387.000đ (Hai bảy triệu ba trăm tám bảy nghìn đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của chị Hoàng Thị Kim H về việc chia di sản thừa kế của anh Nguyễn Huy D.

Chị H được chia tài sản chung với anh D trị giá 54.839.661đ + hưởng thừa kế của anh D trị giá 307.884.447đ. Tổng là 362.724.108đ (Ba trăm sáu hai triệu bảy trăm hai tư nghìn một trăm linh tám đồng).

Cháu H được hưởng thừa kế của anh D trị giá là 307.884.447đ (Ba trăm linh bảy triệu tám trăm tám tư nghìn bốn trăm bốn bảy đồng).

Cháu Kh được hưởng thừa kế của anh D trị giá là 307.884.447đ (Ba trăm linh bảy triệu tám trăm tám tư nghìn bốn trăm bốn bảy đồng).

Giao cho chị Hoàng Thị Kim H quyền sở hữu: Sổ tiết kiệm tại Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120002, Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120006, Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120007 tương ứng với số tiền gốc và lãi đến ngày 23/8/2022 là 360.279.061đ (Ba trăm sáu mươi triệu hai trăm bảy chín nghìn không trăm sáu mốt đồng) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt. Chị H được hưởng các khoản lãi phát sinh cho đến khi làm thủ tục đứng tên theo quy định.

Giao cho cháu Nguyễn Huy H quyền sở hữu: 20 trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, mã trái phiếu CTG 1828T2/01-0790, kỳ hạn 10 năm, trị giá 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và Sổ tiết kiệm trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng, số tài khoản 222008801743, ngày gửi 04/5/2019, số dư 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tương ứng với số tiền trị giá là 300.030.137đ (Ba trăm triệu không trăm ba mươi nghìn một trăm ba bảy đồng). Cháu Nguyễn Huy H được hưởng các khoản lãi phát sinh cho đến khi làm thủ tục đứng tên theo quy định.

Giao cho cháu Nguyễn Huy Kh (chị Nguyễn Thị T là đại diện) quyền sở hữu: Sổ tiết kiệm tại Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120001 tương ứng với số tiền gốc và lãi đến ngày 23/8/2022 là 227.816.833đ (Hai trăm hai mươi bảy triệu tám trăm mười sáu nghìn tám trăm ba ba đồng) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt; Tài khoản tiền gửi thanh toán số 103004503292 số dư là 52.680.605đ (Năm hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn sáu trăm linh năm đồng) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam. Tổng trị giá là 280.497.488đ (Hai trăm tám mươi triệu bốn trăm chín bảy nghìn bốn trăm tám tám đồng). Cháu Nguyễn Huy Kh (chị Nguyễn Thị T là đại diện) được hưởng các khoản lãi phát sinh cho đến khi làm thủ tục đứng tên theo quy định.

4. Về án chi phí thẩm định giá, án phí:

- Về chi phí thẩm định giá: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ và không có ý kiến đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 38.064.000đ (Ba mươi tám triệu không trăm sáu tư nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tại Biên lai thu số: 0008189 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Chị T còn phải nộp số tiền là 33.064.000đ (Ba mươi ba triệu không trăm sáu tư nghìn đồng).

Chị Hoàng Thị Kim H phải nộp số tiền 18.136.000đ (Mười tám triệu một trăm ba sáu nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số: 0008449 ngày 06/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Đảo. Trả lại cho chị H số tiền 1.364.000đ (Một triệu ba trăm sáu tư nghìn đồng).

Cháu Nguyễn Huy H phải nộp số tiền 15.394.000đ (Mười lăm triệu ba trăm chín tư nghìn đồng).

Cháu Nguyễn Huy Kh được miễn nộp tiền án phí.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu

Quyền sử dụng thửa đất số 40, tờ bản đồ QH, diện tích 111m^2 (trị giá 936.000.000đ) tại Khu Đồng số 9, xã Hợp Châu, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn Đồi Thông, thị trấn Hợp Châu, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc) đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hộ ông Nguyễn Huy Dũng ngày 30/12/2003.

01 nhà cấp 4 xây dựng năm 2006 diện tích sử dụng 112m^2 (trị giá 112.000.000đ), sân gạch đỏ diện tích 24m^2 (1.000.000đ), mái tôn diện tích 28m^2 (2.000.000đ), mái bờ lô xi măng diện tích 29m^2, nhà kho tường gạch lợp mái tôn diện tích 5m^2 (2.000.000đ), cửa sắt (1.500.000đ). Tổng 118.500.000đ.

Các khoản tiền đứng tên khách hàng Nguyễn Huy Dũng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam:

1. 20 trái phiếu phát hành ngày 29/6/2018, mệnh giá 10.000.000đ (Mười triệu đồng Việt Nam)/trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (200.000.000đ).

2. Tiền gửi tiết kiệm trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng, số tài khoản 222008801743, số dư 100.000.000đ, ngày gửi 04/5/2019 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc - Phòng Giao dịch Tam Đảo.

Các khoản tiền gửi đứng tên khách hàng Nguyễn Huy Dũng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Vĩnh Phúc – Phòng Giao dịch Tam Đảo:

1. Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120001 LienVietPostBank (Ngân hàng Bưu điện Liên Việt), số tiền gốc 207.000.000đ, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,9%, ngày gửi 20/12/2019, ngày đến hạn trên sổ 20/12/2020 (Ngày gửi 20/12/2019 là 15.000.000đ, ngày 10/02/2020 là 17.000.000đ, ngày 06/4/2020 là 75.000.000đ, ngày 12/6/2020 là 100.000.000đ).

2. Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120002 LienVietPostBank (Ngân hàng Bưu điện Liên Việt), số tiền gốc 40.000.000đ, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,9%, ngày gửi 20/12/2019, ngày đến hạn trên sổ 20/12/2020 (ngày 20/12/2019 gửi 15.000.000đ, ngày 06/4/2020 gửi 25.000.000đ).

3. Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120006 LienVietPostBank (Ngân hàng Bưu điện Liên Việt), số tiền gốc 250.000.000đ, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 7,8%, ngày gửi 13/02/2020, ngày đến hạn trên sổ 13/8/2020.

4. Số tài khoản, sổ tiết kiệm 034084120007 LienVietPostBank (Ngân hàng Bưu điện Liên Việt), số tiền gốc 30.000.000đ, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 7,8%, ngày gửi 19/02/2020, ngày đến hạn trên sổ 19/8/2020.

Ngày 10/02/2022, chị Tuyên bổ sung yêu cầu xác định tài sản chung của chị và anh Dũng còn có 01 xe máy Honda PCX, BKS 88K1-1048 đứng tên ông Nguyễn Huy Dũng và 01 tivi Samsung 42ing bà Huế là người quản lý, sử dụng.

- Về tài sản riêng của anh Dũng: Tài khoản tiền gửi thanh toán số tài khoản 103004503290, số dư 35.064.458đ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc - Phòng Giao dịch Tam Đảo.

- Khoản tiền của anh Nguyễn Công Hoàn là cháu ruột của anh Dũng có gửi anh Dũng số tiền 45.000.000đ để anh Dũng gửi tiết kiệm hộ cháu, tính đến nay cả gốc và lãi số tiền khoảng 100.000.000đ.